LỊCH ĐẠI TAM BẢO KÝ

# QUYỂN 14

**MUÏC LUÏC CAÙC KINH TIEÅU THÖØA NHAÄP TAÏNG**

Saùch cheùp veà: Tieåu thöøa ñoù laø taïng Thanh vaên, giaùo lyù noùi veà Ñöùc Phaät, cho raèng ngaøi sinh ra moätôû vöông cung vôùi bao coâng nuoâi döôõng boàng aåm buù môùm. Ngaøi ngoài xe deâ ñi hoïc, thi taøi ñeå cöôùi vôï, möôøi chín tuoåi xuaát gia, ba möôi tuoåi thaønh ñaïo, boán möôi chín naêm ôû ñôøi thuyeát phaùp, naêm baûy möôi chín tuoåi, döôùi khoaûng röøng caây Song thoï ngaøi ñaõ naèm nghieâng beân höõu maø nhaäp Nieát-baøn. Noùi veà giaùo phaùp cuûa phaùi naøy laø Kheá kinh, hoaëc goàm chín boä hoaëc möôøi moät boä ñoù laø boán A-haøm, taïp taïng vaø A-tyø-ñaøm Luaän veà ngöôøi thì goïi laø Thanh vaên, Duyeân giaùc goàm boán quaû, boán höôùng, naêm phöông, baûy tieän. Caïo boû raâu toùc boû tuïc xuaát gia, haïn cuoäc ôû coõi ngöôøi trôøi khoâng bao goàm caùc thuù khaùc. Veà phieàn naõo thì naêm caùi, möôøi trieàn vaø chín möôi taùm söû. Caùc phaùp tu haønh thì boán Thaùnh ñeá, möôøi hai Nhaân duyeân, thu nhieáp baûy chi, giöõ gìn ba nghieäp. Caùc giôùi caám phaûi thoï thì ba quy, möôøi giôùi, hai traêm naêm möôi vaø naêm traêm giôùi, chæ giaûi quyeát trong moät ñôøi khoâng daây döa ñeán ñôøi sau. Töï ñieàu phuïc thaân khaåu, khoâng tu haïnh lôïi tha. Ngaøy nöôùc Lyù coù caïn saâu cuõng nhö ñoä noåi chìm cuûa thoû ngöïa. Ñi ra ñöôøng daïo maùt sang heøn do ngoài xe höu hay deâ, huùt nöôùc höùng söông nhieàu ít laø do côû to nhoû cuûa reã, laù. Döøng laïi tónh döôõng luùc meät nhoïc ngôi nghæ ôû nôi hoùa thaønh khoâng thaät. Caùc loaïi vaên nhö theá ñeàu laø Tieåu thöøa vaäy. Caên cöù ngaøy boán kinh A-haøm, Sinh Kinh, Xuaát Dieäu, Hieàn Ngu, Thí Duï vaø caùc kinh khaùc hoaëc naêm haøng möôøi haønh, moät tôø nöûa tôø, treân baét ñaàu chöõ “Nhö thò” cuoái keát thuùc baèng chöõ “Phuïng haønh”. Caùc maõng nhoû nhö theá phaân chia thaønh muoân quyeån. Tình ñôøi theo ngoïn tranh nhau sao cheùp caøng nhieàu, khoâng chæ uoång coâng maø caøng traùi xa nguoàn goác. Nhöng töø ghi chuù cuûa caùc luïc laïi sinh theâm ra nhöõng nhoùm khaùc. Cuõng nhö Quang theá AÂm sinh ra moät Dieäu Phaùp Hoa, Thieän Thôøi Nga Vöông sinh ra moät Chaùnh Phaùp Nieäm. Nay ñeàu khoâng ghi cheùp. Chæ boán boä Luaät, Taêng Ni

Giôùi Taâm, Yeáu Löôïc Oai Nghi, Yeát-ma Taïp Phaùp thì ngöôøi ñôøi ai cuõng bieát, neân neâu ñaày ñuû. Ñoù laø töø Kinh maø chia ra nhieàu nhoùm haønh giaû. Boä goác ñaõ ñuû neân khoâng caàn noùi nhieàu. Choã ít lôïi ñaõ saün baøy, luaän daøi theâm roái. Do ñoù chæ noùi toùm taét sô qua caùi. Caû trang giaáy neâu ra moät vaïn kinh thì chæ toùm taét coøn hai ngaøn. Nay bieân soaïn caû ñaïi boä toùm taét thaønh moät quyeån rieâng, ñaõ kieåm tra nhöõng thöù chaúng phaûi loaïi phoå bieán coøn laïi, goàm chung taát caû naêm traêm hai möôi laêm boä, moät ngaøn baûy traêm möôøi hai quyeån, taïo neân muïc luïc chính veà Tieåu thöøa nhaäp taïng.

Phoøng toâi kieán thöùc heïp hoøi noâng caïn, vieäc tìm ñoïc coøn laém loãi laàm thieáu soùt. Chæ mong truyeàn ñuoác phaùp soi saùng ngöôøi hieàn, goïi laø goùp chuùt daàu cho löûa saép taøn

# Ñaïi cöông:

1. **Kinh Tieåu thöøa** (Tu-ña-la).
2. Coù teân ngöôøi goàm: 108 boä, 527 quyeån.
3. Maát teân ngöôøi goàm: 317 boä, 482 quyeån.
4. **Luaät Tieåu thöøa** (Tyø-ni).
5. Coù teân ngöôøi goàm: 37 boä, 285 quyeån.
6. Maát teân ngöôøi goàm: 31 boä, 67 quyeån.
7. **Luaän Tieåu thöøa** (A-tyø-ñaøm).
8. Coù teân ngöôøi goàm: 21 boä, 351 quyeån.
9. Maát teân ngöôøi goàm: 10 boä, 27 quyeån.

# Caùc dòch phaåm:

1. **Kinh Tieåu thöøa:**

***1) Kinh Tieåu Thöøa coù teân ngöôøi d ch*** (moät traêm leû taùm boä, naêm traêm hai möôøi baûy quyeån)

* Chaùnh Phaùp Nieäm Xöù Kinh, baûy möôi quyeån.
* Phaät Baûn Haïnh Taäp Kinh, saùu möôi quyeån.
* Trung A-haøm Kinh, saùu möôi quyeån (Nay saùu möôi chín kinh, boû caùc kinh dòch rieâng).
* Taêng Nhaát A-haøm Kinh, naêm möôi quyeån (Nay boán möôi ba kinh, boû caùc kinh dòch rieâng).
* Taïp A-haøm Kinh, naêm möôi quyeån (Nay moät traêm boán möôi boán kinh, boû caùc kinh dòch rieâng).
* Taïp Thí Duï, ba traêm naêm möôi baøi, hai möôi laêm quyeån.
* Tröôøng A-haøm Kinh, hai möôi hai quyeån (Nay möôøi taùm kinh, boû caùc kinh dòch rieâng).
* Hieàn Ngu Kinh, möôøi saùu quyeån (Nay naêm kinh, boû caùc kinh dòch rieâng).
* Taïp Baûo Taïng Kinh, möôøi quyeån.
* Taïp Thí Duï Kinh, möôøi quyeån.
* Phoå Dieäu Kinh, taùm quyeån (hoaëc saùu quyeån, nay möôøi hai kinh dòch rieâng).
* Thuïc Phoå Dieäu Kinh, saùu quyeån.

(2 boä Kinh treân ñoàng baûn, khaùc ngöôøi dòch, khaùc teân).

* Soaïn Taäp Baùch Duyeân Kinh, baûy quyeån.
* Tu Haønh Kinh, baûy quyeån (Nay möôøi boán kinh dòch rieâng).
* Tu Haønh Ñaïo Ñòa Kinh, saùu quyeån.

(Hai boä kinh treân ñoàng baûn, khaùc ngöôøi dòch, khaùc teân).

* Phaùp Cuù Duï Baûn Maït Taäp Kinh, saùu quyeån (hoaëc naêm quyeån).
* Sinh Kinh, naêm quyeån (Nay naêm möôi kinh dòch rieâng).
* Thieàn Phaùp Yeáu Kinh, naêm quyeån (hoaëc ba quyeån).
* Baùch Duï Taäp Kinh, boán quyeån.
* Quaù Khöù Hieän Taïi Nhaân Quaû Kinh, boán quyeån.
* Thaùi Töû Baûn Khôûi Thuïy ÖÙng Kinh, hai quyeån.
* Tu Haønh Baûn Khôûi Kinh, hai quyeån.

(Ba boä kinh treân ñoàng baûn, khaùc ngöôøi dòch, khaùc teân).

* Thieàn Bí Yeáu Kinh, ba quyeån.
* AÁm Trì Nhaäp Kinh, hai quyeån.
* Trung Khôûi Baûn Kinh, hai quyeån.
* Töù A-haøm Moä Sao, hai quyeån.
* Ñaït-ma-ña-la Thieàn Kinh, hai quyeån.
* Cöïu Taïp Thí Duï Taäp Kinh, hai quyeån.
* Nghóa Tuùc Kinh, hai quyeån.
* Phaùp Cuù Taäp Kinh, hai quyeån.
* Tyø-da-ta Vaán Kinh, hai quyeån.
* Ñaïi Ñaïo Ñòa Kinh, hai quyeån.
* Coå Khaùch Kinh, hai quyeån.
* Ñaïi An Ban Kinh, hai quyeån.
* Tieåu Baûn Khôûi Kinh, hai quyeån.
* Thieàn Phaùp Yeáu Giaûi Kinh, hai quyeån.
* A-lan-nhaõ Taäp Thieàn Phaùp Kinh, hai quyeån.
* Toïa Thieàn Tam-muoäi Kinh, hai quyeån.

(Hai boä kinh treân ñoàng baûn, khaùc ngöôøi dòch, khaùc teân).

* Baát Tònh Quaùn Thieàn Kinh Tu Haønh Phöông Tieän, hai quyeån.
* Ma-ñaêng-giaø Kinh, hai quyeån.
* Xaù-ñaàu-giaùn Kinh, moät quyeån.
* Thaùi Töû Nhò Thaäp Baùt Tuù Kinh, moät quyeån.
* Hoå Nhó YÙ Kinh, moät quyeån.

(Boán boä kinh treân ñoàng baûn, khaùc ngöôøi dòch, khaùc teân).

* Baûn Töôùng Y Trí Kinh, moät quyeån.
* Duyeân Baûn Trí Kinh, moät quyeån.

(Hai boä Kinh treân ñoàng baûn, khaùc ngöôøi dòch, khaùc teân).

* Taïp Taïng Kinh, moät quyeån.
* Quyû Vaán Muïc-lieân Kinh, moät quyeån.
* Ngaï Quyû Baùo ÖÙng Kinh, moät quyeån.
* Muïc-lieân Thuyeát Ngaï Quyû Nhaân Duyeân Kinh, moät quyeån. (Boán boä kinh treân ñoàng baûn, khaùc ngöôøi dòch, khaùc teân).
* A-nan Vaán Söï Phaät Kieát Hung Kinh, moät quyeån.
* A-nan Phaân Bieät Kinh, moät quyeån.
* Ñeä Töû Maïn Vò Kyø Vöïc Thuaät Kinh, moät quyeån.
* Phaân Bieät Kinh, moät quyeån.

(Boán boä Kinh treân ñoàng baûn, khaùc ngöôøi dòch, khaùc teân).

* Ñaïi Thaäp Nhò Moân Kinh, moät quyeån.
* Töù Thaäp Nhò Chöông Kinh, moät quyeån (dòch laïi)
* Tieåu Thaäp Nhò Moân Kinh, moät quyeån.
* Baùch Luïc Thaäp Phaåm Kinh, moät quyeån.
* Thaäp Nhò Du Kinh, moät quyeån.
* Trò Thieàn Beänh Bí Yeáu Kinh, moät quyeån.
* Ñaïi An Ban Kinh, moät quyeån.
* An Ban Thuû YÙ Kinh, moät quyeån.
* Nguõ Moân Thieàn Kinh Yeáu Duïng Phaùp, moät quyeån.
* Baùt-neâ-hoaøn Kinh, moät quyeån.
* Ñöông Lai Bieán Kinh, moät quyeån.
* Nan-ñeà-ca-la Vieät Kinh, moät quyeån.
* Phoå Nghóa Kinh, moät quyeån.
* Naïi Nöõ Kyø Vöïc Kinh, moät quyeån.
* Tònh Phaïn Vöông Baùt Nieát-baøn Kinh, moät quyeån.
* Sa-moân Quaû Chöùng Kinh, moät quyeån.
* Phaät Vò Boà-taùt Nguõ Moäng Kinh, moät quyeån (moät teân laø Phaät Nguõ Moäng Kinh, moät teân laø Thaùi Töû Nguõ Moäng Kinh).
* Maõ Vöông Kinh, moät quyeån.
* Thænh Taân-ñaàu-loâ Phaùp, moät quyeån.
* Baùt Sö Kinh, moät quyeån.
* A-haøm Khaåu Giaûi Thaäp Nhò Nhaân Duyeân Kinh, moät quyeån.
* Töù Boä Duï Kinh, moät quyeån.
* Tam Phaåm Tu Haønh Kinh, moät quyeån.
* Thaát Phaùp Kinh, moät quyeån.
* A-tyø-ñaøm Nguõ Phaùp Haïnh Kinh, moät quyeån.
* Nhaïn Vöông Kinh, moät quyeån.
* Töù Nguyeän Kinh, moät quyeån.
* Nhaïn Vöông Nguõ Baùch Nhaïn Caâu Kinh, moät quyeån.
* Nguõ Phaùp Kinh, moät quyeån.
* Giôùi La-vaân Kinh, moät quyeån.
* Phuï Nhaân Ngoä Coâ Kinh, moät quyeån (cuõng goïi laø Ngoä Ñoái Kinh).
* Caáp Coâ Ñoäc Minh Ñöùc Kinh, moät quyeån (Cuõng goïi laø Caáp Coâ Ñoäc Thò Kinh).
* Tröôûng Giaû Bieän YÙ Kinh, moät quyeån (Cuõng goïi laø Bieän YÙ Tröôûng Giaû Sôû Vaán Kinh).
* Baøo Thai Thoï Thaân Kinh, moät quyeån (Cuõng goïi Baøo Thai Kinh).
* Töù Töï Xaâm Kinh, moät quyeån.
* Thích Luïc Thaäp Nhò Kieán Kinh, moät quyeån.
* Nguõ Baùch Ñeä Töû Töï Thuyeát Baûn Khôûi Kinh, moät quyeån.
* Thaát Nöõ Baûn Kinh, moät quyeån (Cuõng goïi taét Thaát Nöõ Kinh).
* Ñaïi Ca-dieáp Baûn Kinh, moät quyeån.
* A-nan Töù Söï Kinh, moät quyeån.
* Sôû Duïc Trí Hoaïn Kinh, moät quyeån.
* Phaùp Thoï Traàn Kinh, moät quyeån.
* Thieàn Haønh Phaùp Töôûng Kinh, moät quyeån.
* Giôùi Vöông Kinh, moät quyeån.
* Ma-ha Muïc-lieân Baûn Kinh, moät quyeån.
* Töù Thieân Vöông Kinh, moät quyeån.
* Baàn Nöõ Vi Vöông Phu Nhaân Kinh, moät quyeån.
* Nguõ Phöôùc Thí Kinh, moät quyeån.
* Öu-ña-la Kinh, moät quyeån (Cuõng goïi Öu-ña-la Maãu Kinh).
* Caûnh Dieän Vöông Kinh, moät quyeån.
* ÖÙng Cuùng Phaùp Haïnh Kinh, moät quyeån.
* Ma-ha Vöông Kinh, moät quyeån.
* Saùt Vi Vöông Kinh, moät quyeån.
* A-xaø-theá Vöông Vaán Nguõ Nghòch Toäi Kinh, moät quyeån (cuõng goïi taét laø A-xaø-theá Kinh hoaëc khoâng coù chöõ Toäi).
* A-nan Nieäm Di Kinh, moät quyeån.
* Cö Só Thænh Taêng Phöôùc Ñieàn Kinh, moät quyeån.
* Quaùn Haïnh Baát Di Töù Söï Kinh, moät quyeån.
* Loâ-di-hoaøn Kinh, moät quyeån.
* Khö-la Vöông Kinh, moät quyeån.
* Ñaøm-nhaõ Kinh, moät quyeån.
* Phaïm Hoaøng Kinh, moät quyeån.
* Long Vöông Huynh Ñeä Ñaø Xieâm-la Giôùi Vöông Kinh, moät quyeån.
* Nguõ Caùi Nghi Kieát Thaát Haïnh Kinh, moät quyeån.
* Tieåu UÙc-giaø Kinh, moät quyeån.
* Xa-lôïi-phaát Muïc-lieân Du Chö Quoác Kinh, moät quyeån (Cuõng goïi taét laø Du Chö Töù Veä Kinh).
* Muïc-lieân Thöôïng Tònh Cö Thieân Kinh, moät quyeån.
* Giaûi Voâ Thöôøng Kinh, moät quyeån.
* Thaønh Duï Kinh, moät quyeån.
* Kyø-xaø-quaät Sôn Giaûi Kinh, moät quyeån.

***2. Kinh Tieåu Thöøa maát teân ngöôøi d ch:*** (316 boä, 482 quyeån).

* Taïp Thí Duï Kinh, taùm möôi quyeån.
* Phaùp Cuù Thí Duï Kinh, ba möôi taùm quyeån.
* Bieät Thích Taïp A-haøm Kinh, hai möôi quyeån.
* Taïp Soá Kinh, hai möôi quyeån.
* Na Tieân Thí Duï Kinh, boán quyeån.
* Tröôøng A-haøm Kinh, ba quyeån.
* Höùng Khôûi Haønh Kinh, hai quyeån (moät teân Thaäp Duyeân Kinh).
* Thaäp Nhò Nhaân Duyeân Kinh, hai quyeån.
* Thaùi Töû Thí Ngheä Baûn Khôûi Kinh, hai quyeån.
* Thieän Tín Thaàn Chuù Kinh, hai quyeån.
* Thieän Tín Nöõ Kinh, hai quyeån.
* Na Tieân Tyø-kheo Kinh, hai quyeån (hoaëc moät quyeån).
* Nan-ñeà Thích Kinh, moät quyeån.
* Voâ Caáu Öu-baø-di Vaán Kinh, moät quyeån.
* Taïo Laäp Hình Töôïng Phöôùc Baùo Kinh, moät quyeån.
* Phaùp Thöôøng Truï Kinh, moät quyeån.
* Öu-ñieàn Vöông Kinh, moät quyeån (Cuõng goïi Taùc Phaät Hình Töôïng

Kinh).

Giaûi Ñaõi Canh Giaû Kinh, moät quyeån.

* A-nan Ñaéc Ñaïo Kinh, moät quyeån.
* A-nan Thaát Moäng Kinh, moät quyeån.
* A-nan Baùt-neâ-hoaøn Kinh, moät quyeån.
* Xaù-lôïi-phaát Muïc-lieân Neâ-hoaøn Kinh, moät quyeån.
* Phaät Nhaäp Nieát-baøn Kim Cang Löïc Só Ai Luyeán Kinh, moät quyeån.
* Ca-dieáp Phoù Phaät Nieát-baøn Kinh, moät quyeån (moät teân laø Phaät Baùt Nieát-baøn Ca-dieáp Phoù Phaät Kinh).
* Phaät Dieät Ñoä Haäu Quan Lieãm Taùng Toáng Kinh, moät quyeån (moät teân Tyø-kheo Sö Kinh, hoaëc goïi Sö Tyø-kheo Kinh).
* Quaùn Phaät Kinh, moät quyeån.
* Ma-ha Saùt-ñaàu Kinh, moät quyeån.

(Hai boä kinh treân ñoàng baûn, khaùc ngöôøi dòch, khaùc teân).

* La Vaân Nhaãn Kinh, moät quyeån (Cuõng goïi laø Nhaãn Nhuïc Kinh).
* Nguõ Thaäp Nguõ Phaùp Giôùi Kinh, moät quyeån (moät teân laø Haønh Kinh).
* Baùt Phaùp Haønh Kinh, moät quyeån.
* Caáp Coâ Ñoäc Töù Taùnh Gia Vaán Öng Thoï Thí Kinh, moät quyeån.
* Öu-ñoïa-la Ca-dieáp Kinh, moät quyeån.
* Xuaát Gia Nhaân Duyeân Kinh, moät quyeån.
* Ñeä Töû Baûn Haïnh Kinh, moät quyeån.
* Tam Phaåm Ñeä Töû Kinh, moät quyeån (moät teân laø Ñeä Töû Hoïc Höõu Tam Boái Kinh).
* Töù Boä Baûn Vaên Kinh, moät quyeån.
* Töø Boái Kinh, moät quyeån.
* Phaät Vò Nieân Thieáu Tyø-kheo Thuyeát Chaùnh Söï Kinh, moät quyeån.
* Kieán Chaùnh Kinh, moät quyeån (moät teân laø Sinh Töû Bieán Thöùc Kinh).
* Tröôûng Giaû Hieàn Thuû Kinh, moät quyeån.
* Hieàn Giaû Thuû Löïc Kinh, moät quyeån.
* Haø Ñieâu A-na-haøm Kinh, moät quyeån (moät teân laø Ha Ñieâu A-na- haøm Kinh).
* Thaäp Nhò Hieàn Giaû Kinh, moät quyeån (moät teân Thaäp Nhò Hieàn Kinh).
* Höõu Hieàn Giaû Phaùp Kinh, moät quyeån.
* Nguõ Voâ Phaûn Phuùc Kinh, moät quyeån (Cuõng goïi Phaûn Phuùc Kinh).
* Töù Phuï Nhaân Duyeân Kinh, moät quyeån.
* Nguõ Baùch Baø-la-moân Vaán Höõu Voâ Kinh, moät quyeån.
* Haéc Thò Phaïm Chí Kinh, moät quyeån.
* Ñaïo Ñöùc Quaû Chöùng Kinh, moät quyeån.
* Phaùt YÙ Höôùng Chaùnh Kinh, moät quyeån.
* Hieåu Sôû Traùnh Baát Giaûi Kinh Giaûi Kinh, moät quyeån.
* A-haøm Chaùnh Haïnh Kinh, moät quyeån (Cuõng goïi Chaùnh YÙ Kinh).
* Sa-moân Phaân Veä Kieán Quaùi Dò Kinh, moät quyeån.
* Ma-ha Giaù Haït Du Kinh, moät quyeån.
* Nguõ Khuûng Boá Theá Kinh, moät quyeån.
* Ma-ha Quyeát Di Naïn Vaán Kinh, moät quyeån (moät teân Ñaïi Quyeát Di Kinh).
* Ñaïi Ngö Söï Kinh, moät quyeån.
* Taâm Tình Taâm Thöùc Kinh, moät quyeån.
* Thaát Ñaïo Ñaéc Ñaïo Kinh, moät quyeån.
* AÙt Ña Hoaøn Kyø Kinh, moät quyeån.
* Ngoaïi Ñaïo Duï Chaát-ña Tröôûng Giaû Kinh, moät quyeån.
* Phaïm Ma Naïn Quoác Vöông Kinh, moät quyeån.
* Phaät Vò A-chi-la Ca-dieáp Thuyeát Töï Tha Taùc Khoå Kinh, moät quyeån.
* Ma-ha Ca-dieáp Ñoä Baàn Maãu Kinh, moät quyeån.
* Trung Taâm Kinh, moät quyeån.
* Ma Thí Phaät Kinh, moät quyeån.
* Long Vöông Huynh Ñeä Kinh, moät quyeån (moät teân laø Haøng Long Vöông Kinh, moät teân laø Naïn Long Vöông Kinh).
* Ngoaïi Ñaïo Tieân Ni Thuyeát Ñoä Kinh, moät quyeån.
* Sa Haït Tyø-kheo Coâng Ñöùc Kinh, moät quyeån.
* Phaät Vò Nieân Thieáu Baø-la-moân Thuyeát Tri Thieän Baát Thieän Kinh, moät quyeån.
* Phaät Vò Caâu-la Tröôûng Giaû Thuyeát Caên Thuïc Kinh, moät quyeån.
* Kyø Dò Ñaïo Gia Naïn Vaán Truï Xöù Kinh, moät quyeån.
* Phaät Thuyeát Ngoaïi Ñaïo Thaâm Nhieãm Thuyeát Ly Duïc Kinh, moät quyeån.
* Tu-ma-ñeà Tröôûng Giaû Kinh, moät quyeån.
* Tröôûng Giaû Nan-ñeà Kinh, moät quyeån.
* Thaäp Nhò Phaåm Sinh Töû Kinh, moät quyeån.
* Nieân Thieáu Vöông Kinh, moät quyeån.
* Giaùn Vöông Kinh, moät quyeån (Cuõng goïi Ñaïi Tieåu Giaùn Vöông Kinh).
* Maït-la Vöông Kinh, moät quyeån.
* La-ñeà-chi Vöông Kinh, moät quyeån (Cuõng goïi La-ñeà Hieäp Vöông Kinh).
* Ma-ñaït Quoác Vöông Kinh, moät quyeån.
* Phoå Ñaït Vöông Kinh, moät quyeån.
* Kieàn-ñaø Quoác Vöông Kinh, moät quyeån.
* Thieân Vöông Haù Taùc Trö Kinh, moät quyeån.
* Kieân Taâm Chaùnh YÙ Kinh, moät quyeån (Cuõng goïi taét Kieân YÙ Kinh).
* Phaät Ñaïi Taêng Ñaïi Kinh, moät quyeån.
* Da-kyø Kinh, moät quyeån.
* Thaäp Nhò Ñaàu-ñaø Kinh, moät quyeån (moät teân Sa-moân Ñaàu-ñaø Kinh).
* Moäc Hoaïn Töû Kinh, moät quyeån.
* Tích Tröôïng Kinh, moät quyeån.
* Chieân-ñaøn Thoï Kinh, moät quyeån.
* Kyø Dò Ñaïo Gia Naïn Vaán Phaùp Boån Kinh, moät quyeån.
* Baàn Cuøng Laõo Coâng Kinh, moät quyeån (Hoaëc khoâng coù chöõ “Coâng”).
* Tröôûng Giaû Töû AÙo Naõo Tam Xöù Kinh, moät quyeån.
* Vieät Naïn Kinh, moät quyeån (hoaëc vieát chöõ “Vieát”).
* Chieân-ñaø Vieät Quoác Vöông Kinh, moät quyeån.
* Töï AÙi Baát Töï AÙi Kinh, moät quyeån (Cuõng goïi gaét Töï AÙi Kinh).
* Voâ Thöôïng Xöù Kinh, moät quyeån.
* Luaân Chuyeån Nguõ Ñaïo Toäi Phöôùc Baùo ÖÙng Kinh, moät quyeån.
* Laëc Khoå Neâ-leâ Kinh, moät quyeån (Cuõng goïi taét Neâ-leâ Kinh).
* Toäi nghieäp Baùo ÖÙng Giaùo Hoùa Ñòa Nguïc Kinh, moät quyeån.
* Taêng Hoä Nhaân Duyeân Kinh, moät quyeån.
* Hoä Tònh Kinh, moät quyeån.
* Thôøi Phi Thôøi Kinh, moät quyeån (Cuõng goïi laø Thôøi Kinh).
* Nhöông Ñöùc Kinh, moät quyeån.
* Thuûy Taïo Duïc Phaät Thôøi Kinh, moät quyeån.
* Ñoä Phaïm Chí Kinh, moät quyeån.
* Taân Tueá Kinh, moät quyeån (moät teân taét laø Taán Hoïc Kinh).
* Duy Löu Vöông Kinh, moät quyeån (Cuõng goïi taét: Duy Löu Kinh).
* Vò Taèng Höõu Kinh, moät quyeån.
* Chö Ñaïi Ñòa Nguïc Quaû Baùo Kinh, moät quyeån.
* Toäi Nghieäp Baùo ÖÙng Kinh, moät quyeån.
* Tam Tieåu Khieáp kinh, moät quyeån.
* Khuyeán Taán Hoïc Ñaïo Kinh, moät quyeån (Cuõng goïi taét Taán Hoïc Kinh).
* Quaùn Thaân Cöûu Ñaïo Kinh, moät quyeån.
* Baùt Toång Trì Kinh, moät quyeån.
* Thieàn Töû Maõn Tuùc Kinh, moät quyeån.
* Baùt Chaùnh Baùt Taø Kinh, moät quyeån.
* Ñaïi Xaø Thí Duï Kinh, moät quyeån.
* Thuyeát A-nan Trì Giôùi Kinh, moät quyeån (cuõng goïi A-nan Thoï Trì Kinh).
* A-nan Vaán Haø Nhaân Duyeân Trì Giôùi Kieán Theá Gian Baàn Thò Hieän Ñaïo Baàn Kinh, moät quyeån.
* Quyû Töû Maãu Kinh, moät quyeån.
* Thaäp Thieän Thaäp AÙc Kinh, moät quyeån (Cuõng goïi laø Baàn Phuù Thieän AÙc Sôû Khôûi Kinh).
* Duy Laâu Vöông Sö Töû Chuùng Thí Duï Kinh, moät quyeån.
* Ñieàu-ñaït Kinh, moät quyeån (Cuõng goïi Ñieàu-ñaït Duï Kinh).
* Ma-ha Kieàn-ñaø Kinh, moät quyeån (Cuõng goïi Taän Tín Tyø-kheo Kinh).
* Muïc-lieân Vaán Kinh, moät quyeån.
* Ma-ha Muïc-lieân Döõ Phaät Giaùc Naêng Kinh, moät quyeån.
* Xaù-lôïi-phaát Thaùn Ñoä Nöõ Kinh, moät quyeån.
* Thoï-ñeà-giaø Kinh, moät quyeån.
* Ñoïa-ca Kinh, moät quyeån.
* Nguõ Vöông Kinh, moät quyeån.
* Giaûi hueä Vi Dieäu Kinh, moät quyeån.
* Baùt Ñaïi Nhaân Giaùc Chöông Kinh, moät quyeån.
* Nguõ Phöông Tieän Kinh, moät quyeån.
* Ñeä Töû Töû Phuïc Sinh Kinh, moät quyeån.
* Tu-ña-la Nhaäp Thai Kinh, moät quyeån.
* Ñoïa Laïc Öu-baø-taéc Kinh, moät quyeån.
* La-haùn Ca-löu-ñaø Di Kinh, moät quyeån.
* La-haùn Ngoä Bình Sa Vöông Kinh, moät quyeån.
* Nhò Thaäp Baùt Thieân Kinh, moät quyeån.
* Vò Thoï Taän Thieân Töû Thuyeát Phaùp Kinh, moät quyeån (cuõng goïi Maïng Taän Thieân Töû Kinh).
* A-cöu-löu Kinh, moät quyeån.
* Döõu-giaø Tam Ma Tö Kinh, moät quyeån.
* A-xaø-theá Vöông Vaán Saân Haän Tuøng Haø Sinh Kinh, moät quyeån.
* Vi-ñeà-hy Töû Nguyeät Daï Vaán Phu Nhaân Kinh, moät quyeån.
* AÙi Duïc Thinh Kinh, moät quyeån (Cuõng goïi AÙi Duïc Nhaát Thinh Kinh).
* Thuyeát Thieän AÙc Ñaïo Kinh, moät quyeån.
* Ñoä Theá Hoä Thaân Kinh, moät quyeån.
* Traûo Giaùp Thuû Thoå Kinh, moät quyeån (moät teân laø Traûo Ñaàu Thoå Kinh, moät teân laø Traûo Giaùp Kình Thoå Thí Kinh).
* Ca Ñinh Tyø-kheo Thuyeát Ñöông Lai Bieán Kinh, moät quyeån.
* Ñoïa Thích-ca Muïc Ngöu Kinh, moät quyeån.
* Phaät Baûn Haïnh Kinh, moät quyeån.
* Töï Kieán Töï Tri Vi Tri Vi Naêng Taän Kieát Kinh, moät quyeån.
* Höõu Töù Caàu Kinh, moät quyeån.
* Tieän Hieàn Giaû Khanh Kinh, moät quyeån (hoaëc vieát chöõ “Chieân”).
* Löôõng Tyø-kheo Ñaéc Caùt Kinh moät quyeån.
* Sôû Phi Nhöõ Sôû Kinh, moät quyeån.
* Ñaïo Ñöùc Xaù-lôïi Nhaät Kinh, moät quyeån.
* Xaù Lôïi Nhaät Taïi Vöông Xaù Quoác Kinh, moät quyeån.
* Ñoäc Cö Tö Duy Nieäm Chæ Kinh, moät quyeån.
* Vaán Sôû Minh Chuûng Kinh, moät quyeån.
* Duïc Tuøng Baûn Töôùng Höõu Kinh, moät quyeån (Cuõng goïi Duïc Tuøng Baûn Kinh).
* Ñoäc Toïa Tö Duy YÙ Trung Sinh Nieäm Kinh, moät quyeån.
* Nhö Thò Höõu Chöõ Tyø-kheo Kinh, moät quyeån.
* Tyø-kheo Sôû Caàu Saéc Kinh, moät quyeån.
* Saéc Vi Phi Thöôøng Nieäm Kinh, moät quyeån.
* Saéc Tyø-kheo Nieäm Baûn Khôûi Kinh, moät quyeån.
* Tyø-kheo Nhaát Phaùp Töông Tuïc Kinh, moät quyeån.
* Thieän AÙc YÙ Kinh, moät quyeån.
* Höõu Nhò Löïc Baûn Kinh, moät quyeån.
* Höõu Tam Löïc Kinh, moät quyeån.
* Höõu Töù Löïc Kinh, moät quyeån.
* Höõu Nguõ Löïc Kinh, moät quyeån.
* Ñaïo Höõu Tyø-kheo Kinh, moät quyeån.
* Baát Vaên Giaû Loaïi Töông Tuï Kinh, moät quyeån.
* Voâ Thöôïng Thích Vò Coá Theá Taïi Nhaân Trung Kinh, moät quyeån.
* Thaân Vi Voâ Höõu Phaûn Phuùc Kinh, moät quyeån.
* Sö Töû Suùc Sinh Vöông Kinh, moät quyeån.
* A-tu-luaän Töû Baø-la-moân Kinh, moät quyeån.
* Baø-la-moân Töû Danh Baát Xaâm Kinh, moät quyeån.
* Sinh Vaên Baø-la-moân Kinh, moät quyeån (Cuõng goïi Sinh Moân Phaïm Chí Kinh).
* Höõu Luïc Kieät Kinh, moät quyeån.
* Thöï Ñoã Thöøa Baø-la-moân Kinh, moät quyeån.
* Phaät Taïi Caâu-taùt-la Quoác Kinh, moät quyeån.
* Phaät Taïi Öu-ñieàn Quoác Kinh, moät quyeån.
* Thò Thôøi Töï Phaïm Thuû Kinh, moät quyeån.
* Baø-la-moân Baát Tín Troïng Kinh, moät quyeån.
* Phaät Caùo Xaù Vieát Kinh, moät quyeån.
* Thuyeát Nhaân Töï Thuyeát Nhaân Coát Baát Trí Huõ Kinh, moät quyeån.
* Chieân-ñaøn Ñieàu Phaät Kinh, moät quyeån.
* AÙc Nhaân Kinh, moät quyeån.
* Nan-ñeà-hoøa-nan Kinh, moät quyeån (Cuõng goïi Nan-ñeà-hoøa-la Kinh).
* Töù Taùnh Tröôûng Giaû Naïn Kinh, moät quyeån (Cuõng goïi laø Töù Taùnh Tröôûng Giaû Kinh).
* Tích Phaät Kinh, moät quyeån.
* A-nan Ñaúng Caùc Ñeä Nhaát Kinh, moät quyeån (Cuõng goïi laø A-nan, Ca-dieáp, Xaù-lôïi-phaát Ñaúng Caùc Thuyeát Ñeä Nhaát Kinh).
* Lyù Gia Naïn Kinh, moät quyeån.
* Ca-löu-ña Vöông Kinh, moät quyeån.
* Phaïm Chí Xaø Toân Kinh, moät quyeån.
* Ba-ñaït Vöông Kinh, moät quyeån.
* Bi Taâm AÁp AÁp Kinh, moät quyeån.
* Thuù Ñoä Theá Ñaïo Kinh, moät quyeån.
* Taùt-hoøa-ñaït Vöông Kinh, moät quyeån.
* Si Chuù Kinh, moät quyeån.
* Hoøa-ñaït Kinh, moät quyeån.
* Phaân Baùt Xaù-lôïi Kinh, moät quyeån.
* Taát-ñaøm Moä Kinh, moät quyeån.
* Baùt-khö-sa Kinh, moät quyeån.
* Caùo Phaùp Nghieäm Kinh, moät quyeån.
* Bình Sa Vöông Kinh, moät quyeån.
* Höõu Voâ Kinh, moät quyeån.
* Tu-da Vieät Quoác Baàn Nhaân Kinh, moät quyeån (moät teân laø Tu-da Vieät Quoác Baàn Nhaân Maäu Bieät Ñaàu Kinh).
* Phoâi Duï Kinh, moät quyeån.
* Yeâu Quaùi Kinh, moät quyeån.
* A-baùt-keá Neâ-hoaøn Kinh, moät quyeån (moät teân Chu-xaï-keá Neâ- hoaøn Kinh).
* Töù Phi Thöôøng Kinh, moät quyeån.
* Nguõ Thaát Caùi Kinh, moät quyeån.
* Yeáu Chaân Kinh, moät quyeån.
* Boån Voâ Kinh, moät quyeån.
* Thaäp Nguõ Ñöùc Kinh, moät quyeån.
* Phuï Maãu Nhaân Duyeân Kinh, moät quyeån.
* Kim Luaân Vöông Kinh, moät quyeån.
* Hueä Haïnh Kinh, moät quyeån.
* Vò Sinh Oaùn Kinh, moät quyeån.
* Noäi Ngoaïi Voâ Vi Kinh, moät quyeån.
* Ñaïo Tònh Kinh, moät quyeån.
* Thaát Söï Baûn Maït Kinh, moät quyeån (moät teân Thaát Söï Haønh Baûn Kinh).
* Kyø Vöïc Töù Thuaät Kinh, moät quyeån.
* Nguõ Caùi Ly Nghi Kinh, moät quyeån.
* Thaùi Töû Trí Chæ Kinh, moät quyeån.
* Khoå Töôùng Kinh, moät quyeån.
* Tu Phaät Ñaéc Ñoä Kinh, moät quyeån.
* Do Kinh, moät quyeån.
* Phaân Nhieân Hoaøn Quoác Ca-la Vieät Kinh, moät quyeån.
* Nghóa Quyeát Phaùp Söï Kinh, moät quyeån.
* AÂu Hoøa Thaát Ngoân Thieàn Lôïi Kinh, moät quyeån.
* Tam Thaát Caùi Kinh, moät quyeån.
* Vöông xaù Thaønh Linh Thöùu Sôn Yeáu Tröïc Kinh, moät quyeån.
* Tö Ñaïo Kinh, moät quyeån.
* Phaät Taïi Truùc Vieân Kinh, moät quyeån.
* Phaùp Vi Nhaân Kinh, moät quyeån.
* Ñaïo YÙ Kinh, moät quyeån.
* Ñaø Hieàn Vöông Kinh, moät quyeån.
* A-di Tyø-kheo Kinh, moät quyeån.
* Tyø-kheo Tam Söï Kinh, moät quyeån.
* Nguõ Maãu Töû Kinh, moät quyeån.
* Sa-di-la kinh, moät quyeån.

(Hai boä Kinh sau ñoàng baûn, khaùc ngöôøi dòch, khaùc teân).

* Ngoïc-da Kinh, moät quyeån (moät teân laø Tröôûng Giaû Ngheä Phaät Thuyeát Töû Phuï Baát Cung Kính Kinh, moät teân laø Thaát Phuï Kinh).
* A-thaáu-ñaït Kinh, moät quyeån.

(Hai boä Kinh treân ñoàng baûn, khaùc ngöôøi dòch, khaùc teân).

* Quaùn Laïp Kinh, moät quyeån (moät teân Baùt-neâ-hoaøn Haäu Töù Boái Quaùn Laïp Kinh).
* Vu-lan Boàn Kinh, moät quyeån.
* Baùo AÁn Phuïng Boàn Kinh, moät quyeån.

(Ba boä Kinh treân ñoàng baûn, khaùc ngöôøi dòch, khaùc teân).

* Ma Ñaêng Nöõ Kinh, moät quyeån (moät teân Ma Ñaëng Nöõ Kinh, moät teân laø A-nan Vò Coå Ñaïo Sôû Chuù Kinh).
* Ma Ñaêng Nöõ Giaûi Hình Trung Luïc Söï Kinh, moät quyeån. (Hai boä Kinh treân ñoàng baûn, khaùc ngöôøi dòch, khaùc teân).
* Ñaïo Ñòa Trung Yeáu Ngöõ Chöông Kinh, moät quyeån.
* An Ban Haønh Ñaïo Kinh, moät quyeån.
* Ñaïo Ñöùc Chöông Kinh, moät quyeån.
* Phaät Boån Kyù Kinh, moät quyeån.
* Khaåu Truyeàn Kieáp Khôûi Taän Kinh, moät quyeån.
* Phuï Töû Nhaân Duyeân Kinh, moät quyeån.
* Lö Chí Tröôûng Giaû Kinh, moät quyeån.
* Ñaêng Chæ Nhaân Duyeân Kinh, moät quyeån.
* Öu-ba-tö-na Öu-ba-di Kinh, moät quyeån.
* Ñaùt-hoøa-ni Baùch Cö Kinh, moät quyeån.
* Theá Gian Traân Baûo Kinh, moät quyeån (moät teân laø Theá Gian Sôû Voïng Traân Baûo Kinh).
* Xöù Xöù Kinh, moät quyeån.
* Thaäp Baùt-neâ-leâ Kinh, moät quyeån.
* Maïn Phaùp Kinh, moät quyeån.
* Phaân Minh Toäi Phöôùc Kinh, moät quyeån.
* Ñòa Nguïc Kinh, moät quyeån.
* Suy Lôïi Kinh, moät quyeån.
* Baùt Phöông Vaïn Vaät Voâ Thöôøng Kinh, moät quyeån.
* Luïc Suy Söï Kinh, moät quyeån.
* Ñeä Töû Söï Phaät Caùt Hung Kinh, moät quyeån.
* Thuû Chí Vaán Phaät Thaäp Töù Söï Kinh, moät quyeån.
* Hieáu Töû Baùo AÂn Kinh, moät quyeån (hoaëc goïi taét Hieáu Töû Kinh).
* Thaäp Baùt Naïn Kinh, moät quyeån.
* Tam Ñoäc Söï Kinh, moät quyeån.
* Quaàn Sinh Keä Kinh, moät quyeån.
* Thaäp Nhò Nhaân Duyeân Chöông Kinh, moät quyeån.
* Baùch Baùt AÙi Kinh, moät quyeån.
* Thaát Laäu Kinh, moät quyeån.
* Nguõ Thaäp Nhò Chöông Kinh, moät quyeån.
* Tam Giôùi Nhaân Thieân Thaân Löôïng Caäp Thoï Kinh, moät quyeån.
* Thieân Ñòa Töôïng Kinh, moät quyeån (Cuõng goïi laø Chö Thieân Kinh).
* Ñoä Löôïng Thieân Ñòa Kinh, moät quyeån.
* Löôïc Thuyeát Thieàn Yeáu Cuù Kinh, moät quyeån.
* Phaùp Quaùn Kinh, moät quyeån.
* Chæ Töï Trung Kinh, moät quyeån.
* Thieàn Phaùp Kinh, moät quyeån.
* A-na-luaät Nieäm Phuïc Sinh Kinh, moät quyeån.
* A-na-luaät Thaát Nieäm Chöông Kinh, moät quyeån.
* Thieàn Soá Kinh, moät quyeån.
* Trò Thieàn Quyû Mò Baát An Kinh, moät quyeån.
* Thieàn Ñònh Phöông Tieän Thöù Ñeä Phaùp Kinh, moät quyeån.
* Tieåu Ñaïo Ñòa Kinh, moät quyeån.
* Soå Tuùc Söï Kinh, moät quyeån.
* Thaâm Töùc Tri Thaân Keä Kinh, moät quyeån.
* Thieàn Kinh Keä, moät quyeån.
* Noäi Thaân Quaùn Chöông Kinh, moät quyeån.
* Soå Luyeän YÙ Chöông Kinh, moät quyeån.
* Thoï Thöïc Tö Duy Kinh moät quyeån.
* Noäi Thieàn Ba-la-maät Kinh, moät quyeån.
* Thaäp Nhò Moân Thieàn Kinh, moät quyeån.
* Hình Taät Tam Phaåm Phong Kinh, moät quyeån.
* Phaät Trò YÙ Kinh, moät quyeån.
* Thaân Töôùng Kinh, moät quyeån.
* Thieàn Yeáu Ha Duïc Phaåm Kinh, moät quyeån.
* Minh Thöùc Ñeá Quaùn Kinh, moät quyeån.
* Nguõ Khoå Chöông Cuù Kinh, moät quyeån.
* Nguõ Tröôïc Kinh, moät quyeån.
* Hung Höõu Vaïn Töï Kinh, moät quyeån.
* Phaùp Dieät Taän Kinh, moät quyeån.
* Baàn Nöõ Nan-ñaø Kinh, moät quyeån.
* Ñònh Haønh Tam-muoäi Kinh, moät quyeån (moät teân laø Ma Muïc-lieân Vaán Kinh).
* Nguõ Long Hoái Quaù Hoä Phaùp Kinh, moät quyeån (moät teân laø Khoâng hueä Hoái Quaù Kinh, cuõng goïi Nguõ Long Hoái Quaù Kinh).
* Toái Dieäu Thaéng Ñònh Kinh, moät quyeån.
* Töôùng Quoác A-la-ha Kinh, moät quyeån.
* Cöùu Hoä Thaân Maïng Teá Nhaân Beänh Khoå AÙch Kinh, moät quyeån.
* A-thu-na Tam-muoäi Kinh, moät quyeån.
* Chuù Kim Töôïng Kinh, moät quyeån.
* Töù Thaân Kinh, moät quyeån.
1. **Luaät Tieåu Thöøa** (Tyø-ni).
	1. ***Luaät Tieåu Thöøa coù teân ngöôøi d ch:*** soaïn (39 boä, 285 quyeån)
* Thaäp Tuïng Luaät, saùu möôi moát quyeån.
* Thaäp Tuïng Luaät, naêm möôi chín quyeån.

(Hai boä Luaät treân ñoàng baûn tieáng Phaïm, khaùc ngöôøi dòch, khaùc

teân).

* Töù Phaàn Luaät, saùu möôi quyeån.
* Ma-ha Taêng-kyø Luaät, boán möôi quyeån.
* Nguõ Phaàn Luaät, ba möôi quyeån.
* Giaûi Thoaùt Luaät, hai möôi hai quyeån.
* Thieän Kieán Luaät Tyø-baø-sa, möôøi taùm quyeån.
* Tyõ-naïi-da, möôøi quyeån.
* Ma Ñöùc Laëc-giaø, möôøi quyeån.
* Di Giaùo Phaùp Luaät Tam-muoäi Kinh, hai quyeån.
* Thaäp Tuïng Luaät Thích Taïp Söï Vaán, hai quyeån.
* Quyeát Chaùnh Chö Boä Tyø Ni, hai quyeån.
* Thaäp Tuïng Taêng Ni Yeát Söï Yeát-ma, hai quyeån.
* Taïp Vaán Luaät Söï, hai quyeån.
* Phaät Laâm Baùt-nieát-baøn Löôïc Thuyeát Di Giaùo Giôùi Kinh, moät

quyeån.

* + Thaäp Tuïng Taêng Giôùi Baûn, moät quyeån.
	+ Thaäp Tuïng Yeát-ma Taïp Söï Tinh Yeáu, moät quyeån.
	+ Taêng-kyø Tyø-kheo Giôùi Baûn, moät quyeån.
	+ Taêng-kyø Tyø-kheo-ni Giôùi Baûn, moät quyeån.
	+ Taêng-kyø Taïp Yeát-ma Phaùp, moät quyeån.
	+ Töù Phaàn Taêng Giôùi Baûn, moät quyeån.
	+ Töù Phaàn Ni Giôùi Baûn, moät quyeån.
	+ Töù Phaàn Taïp Yeát-ma, moät quyeån.
	+ Nguõ Phaàn Taêng Giôùi Baûn, moät quyeån.
	+ Nguõ Phaàn Ni Giôùi Baûn, moät quyeån.
	+ Nguõ Phaàn Yeát-ma Phaùp, moät quyeån.
	+ Giaûi Thoaùt Giôùi Baûn, moät quyeån.
	+ Sa-di Oai Nghi, moät quyeån.
	+ Tam Phaåm Hoái Quaù Phaùp, moät quyeån.
	+ Giôùi Cuï Kinh, moät quyeån.
	+ Öu-baø-taéc Nguõ Giôùi Töôùng, moät quyeån.
	+ Kinh Luaät Phaàn Dò Kyù, moät quyeån.
	+ Tyø-kheo Nhò Baùch Nguõ Thaäp Giôùi Tam Boä Hoïp Dò, moät quyeån.
	+ Tam Thöøa Voâ Ñöông Luaät, moät quyeån.
	+ Tyø-kheo Chö Caám Luaät, moät quyeån.
	+ Töù Boä Luaät Sôû Minh Khinh Troïng Vaät Danh, moät quyeån.
	+ Tyø-kheo Giôùi Boån Sôû Xuaát Baûn Maït, moät quyeån.
	+ Chö Luaät Giaûi, moät quyeån.
	+ Nhò Baùch Nguõ Thaäp Giôùi Kinh, moät quyeån.
	+ Y Phuïc Cheá Phaùp, moät quyeån.
	+ Kieán Chuøy Phaùp, moät quyeån.
	1. ***Luaät Tieåu Thöøa maát teân ngöôøi d ch:*** (31 boä, 67 quyeån).
	+ Tyø-ni Maãu, taùm quyeån.
	+ Xuaát Luaät Nghi Yeáu, hai möôi hai quyeån.
	+ Taùt-baø-ña Tyø-ni Tyø-baø-sa, taùm quyeån.
	+ Ñaïi Tyø-kheo Oai Nghi Kinh, moät quyeån.
	+ Ñaïi AÙi Ñaïo Tyø-kheo-ni Kinh, hai quyeån.
	+ Ma-ha Tyø-kheo Kinh, moät quyeån (cuõng goïi: Chaân Nguïy Sa-moân Kinh).
	+ Ca-dieáp Caám Giôùi Kinh, moät quyeån.
	+ Xaù-lôïi-phaát Vaán Kinh, moät quyeån.
	+ Öu-ba-ly Vaán Kinh, moät quyeån.
	+ Öng Haønh Luaät Kinh, moät quyeån.
	+ Giôùi Tieâu Tai Kinh, moät quyeån.
	+ Phaïm Giôùi Toäi Baùo Khinh Troïng Kinh, moät quyeån (cuõng goïi laø

Phaïm Toäi Kinh).

* + Ñaïi Sa-moân Yeát-ma, moät quyeån.
	+ Ñaïi Giôùi Kinh, moät quyeån.
	+ Tyø-kheo Ba-la-ñeà-moäc-xoa, moät quyeån.
	+ Dò Xuaát Tyø-kheo Oai Nghi Kinh, moät quyeån.
	+ Sa-di Oai Nghi Kinh, moät quyeån.
	+ Sa-di-ni Thaäp Giôùi Kinh, moät quyeån.
	+ Sa-di Ly Giôùi Kinh, moät quyeån.
	+ Sa-di Ly Oai Nghi Kinh, moät quyeån.
	+ Nguõ Boä Oai Nghi Sôû Phuïc Kinh, moät quyeån.
	+ Oai Nghi Kinh, moät quyeån.
	+ Öu-baø-taéc Nguõ Giôùi Kinh, moät quyeån.
	+ Öu-baø-taéc Nguõ Phaùp Kinh, moät quyeån.
	+ Öu-baø-taéc Oai Nghi Kinh, moät quyeån.
	+ Ñaïo Baûn Nguõ Giôùi Kinh, moät quyeån.
	+ Luïc Trai Baùt Giôùi Kinh, moät quyeån.
	+ Nguõ Giôùi Baùo ÖÙng Kinh, moät quyeån.
	+ Hieàn Giaû Nguõ Giôùi Kinh, moät quyeån.
	+ Hieàn Giaû Oai Nghi Kinh, moät quyeån.
1. **Luaän Tieåu thöøa** (A-tyø-ñaøm).
2. ***Luaän Tieåu Thöøa coù teân ngöôøi soaïn:*** goàm hai möôi moát boä, ba traêm naêm möôi moát quyeån.
	* A-tyø-ñaøm Tyø-baø-sa, moät traêm leû chín quyeån (hoaëc saùu möôi, hoaëc taùm möôi tö quyeån).
	* Ca-chieân-dieân A-tyø-ñaøm Baùt-kieàn-ñoä, ba möôi quyeån.
	* Xaù-lôïi-phaát A-tyø-ñaøm, ba möôi quyeån.
	* Thaønh Thaät Luaän, hai möôi boán quyeån.
	* Caâu-xaù Thích Luaän, hai möôi hai quyeån.
	* Xuaát Dieäu Luaän, möôøi chín quyeån.
	* A-tyø-ñaøm Taâm Luaän, möôøi saùu quyeån.
	* Caâu-xaù Luaän Baûn, möôøi saùu quyeån.
	* Tyø-baø-sa A-tyø-ñaøm, möôøi boán quyeån.
	* Taïp A-tyø-ñaøm Tyø-baø-sa, möôøi boán quyeån.
	* Taïp A-tyø-ñaøm Taâm, möôøi ba quyeån.
	* A-tyø-ñaøm Taâm, möôøi ba quyeån.
	* Taïp Taâm, möôøi moät quyeån.

(Boán boä Luaän treân ñoàng baûn, khaùc ngöôøi dòch, roäng heïp khaùc

SOÁ 2034 - LÒCH ÑAÏI TAM BAÛO KYÙ, Quyeån 14 468

nhau).

* Giaûi Thoaùt Ñaïo Luaän, möôøi ba quyeån.
* Baø-tu-maät Luaän, möôøi quyeån.
* Laäp Theá A-tyø-ñaøm, möôøi quyeån.
* Phaùp Thaéng A-tyø-ñaøm, baûy quyeån.
* A-tyø-ñaøm Taâm, naêm quyeån.
* A-tyø-ñaøm Taâm, boán quyeån.

(Hai boä Luaän treân ñoàng baûn, khaùc ngöôøi dòch, roäng heïp khaùc nhau).

* Töù Ñeá Luaän, boán quyeån.
* Tam Phaùp Ñoä Luaän, ba quyeån (dòch laïi)
* Kim Thaát Thaäp Luaän, hai quyeån.
* Caâu-xaù Luaän Keä, moät quyeån.
* Minh Lieãu Luaän, moät quyeån.
* Di Giaùo Luaän, moät quyeån.
1. ***Luaän Tieåu Thöøa maát teân ngöôøi soaïn d ch:*** (möôøi boä, hai möôi baûy quyeån).
* Chuùng Söï Phaàn A-tyø-ñaøm, möôøi hai quyeån.
* Tam Di Ñeå Luaän, boán quyeån.
* Cam Loà Vò A-tyø-ñaøm, hai quyeån.
* Phaân Bieät Coâng Ñöùc Luaän, ba quyeån.
* Bích Chi Phaät Nhaân Duyeân Luaän, moät quyeån.
* Luïc Tuùc A-tyø-ñaøm, moät quyeån.
* Thaäp Luïc Voâ Laäu Taâm Giaûi, moät quyeån.
* Thaäp Baùo Phaùp Taâm Thoáng Löôïc, moät quyeån.
* Ñoaïn Thaäp Nhò Nhaân Duyeân Giaûi, moät quyeån.
* Chæ Giaûi, moät quyeån.